TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/3/2022
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.
2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 186/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ 3, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- ***Bị đơn***: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 1, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị H trình bày:

Chị H và anh Đặng Văn T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã C, thị xã A vào ngày 31/5/2019. Chị H và anh T sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T trong quá trình chung sống không có trách nhiệm với vợ con, có những lời lẽ xúc phạm và có hành vi bạo lực gia đình, làm cho mâu thuẫn của vợ chồng và mâu thuẫn hai bên gia đình nội, ngoại thêm gay gắt, nên chị H và anh T đã không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 10/2020 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng đã hết nên chị H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết cho tôi ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Đặng Nguyễn Minh D, sinh ngày 24/3/2020, hiện con đang ở với chị H. Nếu ly hôn chị H xin nuôi cháu D và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 22/02/2022 bị đơn anh Đặng Văn T gửi cho Tòa án, anh T trình bày:

Anh T và chị Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn như chị H trình bày; Sau khi kết hôn thì cả hai về nhà anh T chung sống, được 01 năm thì chị H về nhà ngoại sinh sống từ đó đến nay. Trong cuộc sống anh Tòan và chị H đôi lúc xảy ra mâu thuẫn, kình cãi tuy nhiên mâu thuẫn không nghiêm trọng đến mức phải ly hôn. Do đó anh T không đồng ý ly hôn, anh T muốn Hảo cùng tôi rút đơn về cùng nhau chung sống, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là: Đặng Nguyễn Minh D, sinh ngày 24/3/2020, hiện cháu D đang ở với ông bà ngoại, nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh T yêu cầu được nuôi cháu D và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A có ý kiến đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T. Giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu D vì cháu D dưới 36 tháng tuổi. Chị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Về cấp dưỡng tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không ai yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu và đề xuất hướng giải quyết của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn với anh T; Địa chỉ: Thôn 1, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tại phiên tòa bị đơn anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T có mâu thuẫn, không còn sống chung từ tháng 10/2020 đến nay. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là giữa chị và anh T không cùng quan điểm sống, anh T có những lời lẽ xúc phạm đến chị H và gia đình chị H làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, anh T có hành vi bạo lực gia đình, không có trách nhiệm gì đối với vợ con, nên cả hai không còn quan tâm lo lắng cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin được ly hôn anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh T như vậy là trầm trọng, chị H yêu cầu xin ly hôn với anh T là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không có hành động nào để làm giảm mâu thuẫn, bất hòa giữa hai vợ chồng; từ khi ly thân đến khi chị H làm đơn khởi kiện, Tòa triệu tập để hòa giải 02 lần anh T đều vắng mặt không lý do, anh T không có bất kỳ hành vi nào thể hiện muốn hòa giải để đoàn tụ, nên việc chị H yêu cầu ly hôn là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: chị H, anh T có 01 con chung là cháu Đặng Nguyễn Minh D, sinh ngày 24/3/2020, hiện con đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu D chị cho biết chỉ đã nuôi cháu D từ khi ly thân đến nay mà anh T không chu cấp gì, chị H cho biết hiện chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T cũng đòi quyền nuôi con, nhưng hiện cháu D dưới 36 tháng tuổi, nên giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Khoản 3 Điều 81, Các điều 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thúy H ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: giao cháu Đặng Nguyễn Minh D, sinh ngày 24/3/2020, cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng trong khi cháu D chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nôm con cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011552 ngày 02 tháng 11 năm

2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Đặng Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (01/3/2022) nguyên đơn, có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn 15 ngày được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã C, thị xã A;
  (để ghi vào sổ hộ tịch, ĐKKH số 17/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Long Sơn